TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 01/2020/LĐ-GĐT
Ngày 30/3/2020
Về *"Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm thất nghiệp, bồi thường thiệt hại"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự và ông Trương Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án lao động *"Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm thất nghiệp, bồi thường thiệt hại"*, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; Địa chỉ: X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: K, Quốc lộ X thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ. Địa chỉ: X Trần Hưng Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2013 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:* Ngày 30/11/2011, Công ty Cổ phần Đ ký quyết định cho bà được nghỉ việc theo thỏa thuận. Theo quyết định bà được nghỉ việc từ ngày 01/12/2011, nhưng từ đó cho tới nay bà chưa nhận được tiền trợ cấp thôi việc và tiền trợ cấp thất nghiệp mà bà đã tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày 01/01/2009. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải trả tiền trợ cấp thôi việc 42.728.400đ, trợ cấp thất nghiệp 8.673.000đ và tiền lãi do chậm thanh toán tiền trợ cấp 15.674.703đ cho bà.

- *Bị đơn là Công ty Cổ phần Đ (viết tắt Công ty) trình bày*: Đối với yêu cầu trả tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 42.728.400đ của bà M thì Công ty đã tính toán số tiền phải trả trợ cấp thôi việc cho bà M là 46.289.100đ, nhưng trước đó Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà M với số tiền 8.784.400đ nên Công ty phải trừ số tiền này trước khi trả tiền trợ cấp thôi việc, tuy nhiên bà M không đồng ý, do đó Công ty không

thể thỏa thuận được với bà M. Vì vậy, yêu cầu trả tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 42.728.400đ của bà M Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu trả tiền trợ cấp thất nghiệp thì lỗi là của Công ty do không chốt sổ kịp thời dẫn đến bà M không được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ trả nên Công ty đồng ý trả khoản tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 6.409.260đ cho bà M.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do Công ty chậm trả tiền trợ cấp thôi việc và trợ cấp thất nghiệp với số tiền 15.674.703đ thì Công ty không đồng ý trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ trình bày: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị M nghỉ việc tháng 11/2011 Công ty Cổ phần Đ còn nợ bảo hiểm xã hội nên Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ không xác nhận sổ bảo hiểm và không giải quyết chế độ thất nghiệp cho bà M. Nay thời hiệu giải quyết chế độ thất nghiệp đã hết, do vậy Bảo hiểm xã hội không có cơ sở để trả số tiền trợ cấp thất nghiệp đối với bà M.

- Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2014/LĐST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 31, Điều 131, Điều 195, Điều 199, khoản 2 Điều 218, Điều 243, Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 36, khoản 1 Điều 48 Bộ luật lao động;

Căn cứ khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 18, Điều 80, Điều 81, Điều 82 Luật bảo hiểm xã hội;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc kiện đòi bồi thường thiệt hại về khoản tiền bảo hiểm thất nghiệp.

Buộc Công ty Cổ phần Đ phải bồi thường thiệt hại khoản tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị M là 6.409.260đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu Công ty Cổ phần Đ trả trợ cấp thôi việc là 42.728.400đ và bồi thường thiệt hại do chậm trả tiền trợ cấp thôi việc và trợ cấp thất nghiệp là 15.674.703đ.

Đình chỉ xét xử đối với đơn phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải trả lại cho Công ty khoản tiền đóng bảo hiểm là 8.784.679đ.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/7/2014, bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo.

- Tại Bản án lao động phúc thẩm số 02/2014/LĐ-PT ngày 15/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ Điều 31, Điều 132 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 36, khoản 1 Điều 48 Bộ luật lao động;

Căn cứ khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 18, Điều 80; Điều 81; Điều 82 Luật bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M - Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại khoản tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị M là 8.673.000đ.

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với yêu cầu Công ty Cổ phần Đ trả trợ cấp thôi việc là 42.728.400đ và số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc chậm trả tiền trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp là 15.674.703đ.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 20/01/2015, bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Tại các Thông báo giải quyết đơn đề nghị số 03/TB-LĐ ngày 14/4/2017 và số 03/TB-LĐ ngày 29/6/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trả lời cho bà M biết là không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án lao động phúc thẩm nêu trên.

- Ngày 14/9/2018, bà M tiếp tục có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án lao động phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 03/2019/KN-LĐ ngày 05/9/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án lao động phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án lao động phúc thẩm số 02/2014/LĐ-PT ngày 15/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm lại.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/2019/KN-LĐ ngày 05/9/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với khoản tiền trợ cấp thôi việc:

Bà M có đơn xin thôi việc; ngày 30/11/2011, Công ty đăng kiểm cho bà M thôi việc theo nguyện vọng. Căn cứ khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động năm 1994, được sửa đổi bổ sung năm 2007, đây là trường hợp hai bên chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận. Tại thời điểm chấm dứt hợp đồng, bà M có thời gian 25 năm 11 tháng đóng bảo hiểm, nhưng chưa đủ 55 tuổi, nên theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 1994 bà M thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp thôi việc. Công ty không giải quyết chế độ thôi việc mà chỉ hỗ trợ cho bà M 5.000.000đ là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm căn cứ vào Quyết định số 1527/QĐ-BHXH ngày

18/11/2013 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ để cho rằng do bà M đã được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng nên không được hưởng trợ cấp thôi việc là không đúng.

Căn cứ Điều 2 Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH ngày 26/5/2009 của Bộ Lao động thương binh và xã hội sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH quy định về cách tính và chi trả tiền trợ cấp thôi việc thì trợ cấp thôi việc của bà M được tính bằng tổng thời gian bà M làm việc tại Công ty nhân với tiền lương bình quân của 6 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động nhân với ½. Bà M làm việc tại Công ty được 25 năm 11 tháng nhưng từ tháng 01/2009 đến tháng 10/2011, bà đã đóng bảo hiểm thất nghiệp nên thời gian tính trợ cấp thôi việc cho bà được tính từ tháng 12/1985 đến ngày 31/12/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty đăng kiểm đồng ý thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho bà M 46.289.100đ nhưng phải trừ đi 8.784.679đ Công ty đăng kiểm đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà M. Yêu cầu này của Công ty là không đúng, gây thiệt hại cho bà M. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm bác yêu cầu này của nguyên đơn là không phù hợp quy định pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu đòi tiền trợ cấp thất nghiệp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà M đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến tháng 10/2011. Căn cứ Điều 82 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, bà M được hưởng trợ cấp thất nghiệp; nhưng do Công ty đăng kiểm chậm chốt sổ bảo hiểm nên bà M không được hưởng số tiền này. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty thừa nhận có lỗi trong sự việc trên nên đồng ý trả trợ cấp thất nghiệp theo yêu của bà M. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M yêu cầu Công ty đăng kiểm phải thanh toán số tiền trợ cấp thất nghiệp là 8.673.000đ; Công ty chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường do chậm thanh toán tiền bảo hiểm: Việc chậm thanh toán tiền trợ cấp thôi việc và trợ cấp thất nghiệp là lỗi của Công ty đăng kiểm. Bộ luật lao động không có quy định về tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên cần áp dụng Bộ luật dân sự để giải quyết. Căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005, "*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Do đó, Công ty phải chịu lãi suất trên số tiền chưa thanh toán theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chi trả. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này là không đảm bảo quyền lợi cho bà M.

[4] Đối với khoản tiền Công ty đăng kiểm đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà M: Điểm a khoản 1 Điều 18 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định: "*Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội và trích tiền lương, tiền công của người lao động để đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội cho người lao động*". Bà M là nhân viên của Công ty từ năm 1985, đến năm 2011 bà M mới được Công ty cho thôi việc nên Công ty phải có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà M. Việc Công ty

yêu cầu bà M trả lại số tiền Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án lao động phúc thẩm số 02/2014/LĐ-PT ngày 15/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

1. Hủy toàn bộ Bản án lao động phúc thẩm số 02/2014/LĐ-PT ngày 15/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về vụ án *"Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm thất nghiệp, bồi thường thiệt hại"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M với bị đơn Công ty Cổ phần Đ;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (để biết);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết phúc thẩm lại);
- Tòa án nhân dân thành phố B (để biết)
- Chi cục Thi hành án dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA - THẨM PHÁM

Vũ Thanh Liêm